TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2023/QĐST-HNGĐ	*Kim Bôi, ngày 10 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HN&GĐ ngày 09/8/2023 về "Hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bạch Thị T**, sinh năm 1986

Bị đơn: Anh **Bùi Tiến T1**, sinh năm 1988

Cùng cư trú: Xóm B, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Địa chỉ: Khu T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt H – Giám đốc

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bạch Thị T và anh Bùi Tiến T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Bạch Thị T và anh Bùi Tiến T1, tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Sau khi ly hôn, giao cháu Bùi Thảo L, sinh ngày 26/01/2010 và cháu Bùi Trọng P, sinh ngày 17/11/2011 cho anh Bùi Tiến T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh T1 chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm, tình cảm của chị T đối với các con.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

2.3. Về tài sản chung: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận. Do vậy, không đề nghị giải quyết.

2.4 Về công nợ chung: Sau khi ly hôn, anh Bùi Tiến T1 có trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K số tiền vay theo nội dung sổ vay vốn, ngày 11/5/2020, số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2.5 Về án phí: Chị Bạch Thị T tự nguyện nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho cả hai người là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số: 0005636 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Chị Bạch Thị T còn được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THADS huyện Kim Bôi;
- UBND xã My Hòa, huyện Kim Bôi nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Đặng Minh Khoa